VOCABULARY CHECK – UNIT 2

Complete the gaps with the given words in the box.

a. symptom	h. contaminate	o. spoilage
b. authentic	i. membrane	p. evolve
c. malnutrition	j. photosynthesise	q. come up with
d. additives	k. take something into account	r. precision
e. crop rotation	l. optimum	s. simplify
f. obesity	m. crystallise	t. yields
g. saliva	n. vertically	u. insomnia

1. Triệu chứng
2. Sự thiếu dinh dưỡng, suy dinh dưỡng
3. Thật
4. Nước bọt
5. Gây ô nhiễm, làm bẩn
6. Sự béo phì
7. Sự luân canh
8. Chất phụ gia
9. Điều kiện tốt nhất, tối ưu
10. Màng (tế bào,…)
11. Quang hợp
12. Theo phương thẳng đứng
13. Xem xét,cân nhắc
14. Sự làm hư
15. Tinh thể hóa
16. Đơn giản hóa, làm cho đơn giản
17. Chứng mất ngủ
18. Hoa lợi, sản lượng
19. Sự chính xác
20. Nghĩ ra
21. Tiến hóa

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS